

QUY ĐỊNH
tạm thời về tiêu chuẩn, điều kiện, tiêu chí bố trí, sắp xếp
các chức danh cán bộ, công chức xã, phường (mới)

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về hợp nhất, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện và tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy khóa XXII;
- Căn cứ Quy định số 1662-QĐ/TU, ngày 05/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Quyết định số 739-QĐ/TU, ngày 31/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sửa đổi, bổ sung Quy định số 1662-QĐ/TU;
- Căn cứ Chỉ thị số 58-CT/TU, ngày 17/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định tạm thời về tiêu chuẩn, điều kiện, tiêu chí bố trí, sắp xếp các chức danh cán bộ, công chức xã, phường (mới), cụ thể như sau:

I. VỀ TIÊU CHUẨN CHUNG

1. Về chính trị, tư tưởng: Trung thành với lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc và nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng. Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng. Có tinh thần yêu nước, đặt lợi ích của Đảng, quốc gia - dân tộc, Nhân dân, tập thể lên trên lợi ích của địa phương, cơ quan và cá nhân. Chấp hành nghiêm sự phân công của tổ chức và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

2. Về đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật: Có phẩm chất đạo đức trong sáng; lối sống lành mạnh, trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; gương mẫu, khiêm tốn, tu dưỡng rèn luyện, học tập suốt đời. Tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Bản thân không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi và tích cực đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự

chuyển hóa” trong nội bộ; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, lợi ích nhóm, nói không đi đôi với làm.

3. Về nghiệp vụ và kỹ năng xử lý công việc

- Có kỹ năng và kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, công tác Mặt trận, đoàn thể hoặc các lĩnh vực quản lý hành chính, đô thị, an ninh trật tự, phát triển kinh tế - xã hội hoặc các lĩnh vực khác (tùy theo đặc thù, vị trí công việc).

- Có khả năng đổi mới, quản lý sự thay đổi và thích ứng nhanh với bối cảnh, tình hình mới; khả năng phối hợp, hợp tác với các bộ phận, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị địa phương để triển khai công việc hiệu quả.

- Tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động, chịu trách nhiệm cá nhân; có kỹ năng giao tiếp, trao đổi và tạo dựng mối quan hệ tốt với người dân, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư (tính quần chúng).

4. Đảm bảo tiêu chuẩn chính trị theo các quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ.

5. Đủ sức khỏe để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

II. VỀ TIÊU CHUẨN CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn chung nêu trên, yêu cầu phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện, như sau:

1. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị

- Về chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên; có trình độ ngoại ngữ, tin học phù hợp với chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với trường hợp vị trí chức danh liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí chức danh công tác tại vùng dân tộc thiểu số. Việc xác định trình độ ngoại ngữ, tin học và các trường hợp có văn bằng, chứng chỉ được xác định tương đương thực hiện theo quy định có liên quan.

- Về lý luận chính trị: Đối với các chức danh chủ chốt xã, phường (mới): Bí thư, phó bí thư, chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND phải đạt trình độ Cao cấp lý luận chính trị hoặc có văn bản xác nhận tương đương cao cấp lý luận chính trị. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý khác phải đạt trung cấp lý luận chính trị hoặc có văn bản xác nhận tương đương trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

2. Về năng lực công tác

Cán bộ lãnh đạo, quản lý xã, phường (mới) phải có khả năng lãnh đạo, quản lý các lĩnh vực của địa phương và chỉ đạo triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo thực hiện hiệu quả các

nhiệm vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp; có khả năng thích nghi, chịu áp lực trong công việc và có kỹ năng phân tích tình hình, quyết định nhanh chóng, linh hoạt, chính xác trong các tình huống phát sinh tại cơ sở, đảm bảo duy trì ổn định xã hội và thực hiện hiệu quả công việc.

3. Về độ tuổi

- Độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) thực hiện theo Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 58-CT/TU, ngày 17/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các quy định khác về công tác cán bộ.

- Cán bộ, công chức được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cao hơn phải đủ tuổi công tác trọn một nhiệm kỳ (05 năm). Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Cán bộ, công chức được bổ nhiệm giữ chức vụ mới tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang giữ thì không tính tuổi bổ nhiệm theo quy định này.

4. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Kết quả xếp loại¹ trong nhiệm kỳ với 04 mức như sau:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Có 4 năm trong nhiệm kỳ được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Có từ 3 năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và không có năm nào không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: Có từ 3 năm hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: Có từ 2 năm trở lên không hoàn thành nhiệm vụ.

- Khi bố trí nhân sự phải đáp ứng yêu cầu:

+ Bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử chức danh tương đương: Hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

+ Bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử chức danh cao hơn: Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

III. VỀ ĐỊNH HƯỚNG SẮP XẾP, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC XÃ, PHƯỜNG (MỚI)

- Cán bộ, công chức được xem xét, bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất 01 năm (12 tháng); trường hợp đặc biệt, chưa đảm bảo thời gian giữ chức vụ thì

¹ Tham chiếu Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng tiêu chí đánh giá cán bộ quản lý các cấp. Kết quả được xác định trong 04 năm: 2021, 2022, 2023, 2024.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể trước khi quyết định.

- Cán bộ lãnh đạo chủ chốt xã, phường (mới) phải kinh qua hoặc được quy hoạch các chức danh lãnh đạo từ cấp trưởng phòng hoặc tương đương trở lên tại các sở, ban, ngành tỉnh hoặc ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp huyện (trước đây) trở lên.

- Cán bộ giữ các chức danh ủy viên ban thường vụ đảng ủy (trừ Công an, Quân sự), phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường (mới) phải kinh qua chức danh lãnh đạo từ cấp phó trưởng phòng tại các sở, ban, ngành tỉnh (hoặc tương đương) hoặc cấp trưởng phòng thuộc cấp huyện (trước đây) hoặc kinh qua các chức danh chủ chốt xã, phường, thị trấn (trước đây) trở lên.

- Trường hợp đặc biệt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét từng trường hợp cụ thể trước khi quyết định.

(Đính kèm Phụ lục về định hướng sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức xã, phường (mới)).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Quy định này, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh cán bộ và tiêu chí đánh giá đối với từng chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý phù hợp với yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị cấp mình.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các địa phương, cơ quan, đơn vị phản ánh về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, khi Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn mới thì thực hiện theo văn bản của Trung ương.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương,
- Vụ Địa phương II - BTC Trung ương,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ban thường vụ huyện, thị, thành ủy;
- đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Sở Nội vụ,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ



Lương Nguyễn Minh Triết



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Quảng Nam, ngày 26 tháng 4 năm 2025

PHỤ LỤC
định hướng sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức xã, phường (mới)
(Đính kèm theo Quy định số 151-QĐ/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Chức danh ở xã, phường (mới)	Đối tượng hiện nay để xem xét, bố trí
I	Khối Đảng	
1	Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND	- Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên (đối với những địa bàn trọng yếu về chính trị, kinh tế và quốc phòng, an ninh), Bí thư huyện, thị, thành ủy (gọi chung là cấp ủy cấp huyện), trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; phó sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, phó bí thư huyện, thị, thành ủy và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện). - Đối tượng 2: Ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, trưởng các phòng thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh được quy hoạch phó bí thư cấp ủy cấp huyện, phó trưởng sở, ban, ngành và tương đương trở lên.

TT	Chức danh ở xã, phường (mới)	Đối tượng hiện nay để xem xét, bố trí
2	- Phó bí thư thường trực đảng ủy - Phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân	- Đối tượng 1: Ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên; cấp trưởng phòng trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể CT -XH tỉnh trở lên. - Đối tượng 2: Cấp phó trưởng phòng thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể CT -XH tỉnh được quy hoạch cấp trưởng phòng và tương đương; cấp ủy cấp huyện, trưởng ban, phòng cấp huyện, bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) được quy hoạch ban thường vụ cấp ủy cấp huyện, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
3	Văn phòng đảng ủy	
3.1	Chánh văn phòng đảng ủy	- Đối tượng 1: Cấp ủy cấp huyện trở lên; trưởng ban, phòng cấp huyện, bí thư đảng ủy cấp xã được quy hoạch cấp ủy cấp huyện; Phó trưởng phòng, ban thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh được quy hoạch trưởng phòng. - Đối tượng 2: Phó trưởng các phòng, ban cấp huyện được quy hoạch trưởng phòng, ban; phó bí thư đảng ủy cấp xã, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được quy hoạch bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương.

TT	Chức danh ở xã, phường (mới)	Đối tượng hiện nay để xem xét, bố trí
3.2	Phó chánh văn phòng đảng ủy	- Đối tượng 1: Phó trưởng các phòng, ban cấp huyện, phó bí thư đảng ủy cấp xã, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên viên phòng chuyên môn thuộc cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (<i>kinh nghiệm trên 3 năm công tác</i>) được quy hoạch phó trưởng phòng. - Đối tượng 2: Phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã được quy hoạch chức danh cao hơn; chuyên viên các phòng, ban cấp huyện (<i>kinh nghiệm trên 5 năm công tác</i>) được quy hoạch chức danh phó trưởng phòng, ban và tương đương.
4	Ban xây dựng Đảng	
4.1	Trưởng ban xây dựng Đảng	- Đối tượng 1: Ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện; trưởng cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện; cấp ủy cấp huyện, trưởng ban, phòng cấp huyện, bí thư đảng ủy cấp xã được quy hoạch ban thường vụ cấp ủy cấp huyện; phó trưởng phòng thuộc cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy được quy hoạch trưởng phòng. - Đối tượng 2: Phó trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy huyện và bí thư đảng ủy cấp xã là cấp ủy cấp huyện; bí thư, phó bí thư đảng ủy cấp xã, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được quy hoạch cấp ủy cấp huyện.

TT	Chức danh ở xã, phường (mới)	Đối tượng hiện nay để xem xét, bố trí
4.2	Phó trưởng ban xây dựng Đảng	- Đối tượng 1: Trưởng, phó các phòng, ban cấp huyện; bí thư, phó bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên viên phòng chuyên môn thuộc cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (<i>kinh nghiệm trên 3 năm công tác</i>) được quy hoạch phó trưởng phòng. - Đối tượng 2: Chuyên viên các phòng, ban cấp huyện (<i>kinh nghiệm trên 5 năm công tác</i>) được quy hoạch chức danh phó trưởng phòng, ban và tương đương.
5	Ủy ban kiểm tra đảng ủy	
5.1	Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra	- Đối tượng 1: Ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện; trưởng cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện; cấp ủy cấp huyện, trưởng ban, phòng cấp huyện, bí thư đảng ủy cấp xã được quy hoạch ban thường vụ cấp ủy cấp huyện; phó trưởng phòng thuộc cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy được quy hoạch trưởng phòng. - Đối tượng 2: Phó trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy huyện và bí thư đảng ủy cấp xã là cấp ủy cấp huyện; bí thư, phó bí thư đảng ủy cấp xã, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được quy hoạch cấp ủy cấp huyện.
5.2	Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra	- Đối tượng 1: Phó trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp huyện; phó bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp huyện được quy hoạch chức vụ cao hơn; chuyên viên phòng chuyên môn thuộc cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (<i>kinh nghiệm trên 3 năm công tác</i>) được quy hoạch phó trưởng phòng. - Đối tượng 2: Chuyên viên các phòng, ban cấp huyện (<i>kinh nghiệm trên 5 năm công tác</i>) được quy hoạch chức danh phó phòng, ban.

TT	Chức danh ở xã, phường (mới)	Đối tượng hiện nay để xem xét, bố trí
5.3	Ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy (chuyên trách)	- Đối tượng 1: Ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp huyện, phó bí thư đảng ủy cấp xã hoặc cấp phó các phòng, ban, ngành cấp huyện có kinh nghiệm trong công tác kiểm tra Đảng. - Đối tượng 2: Chuyên viên được quy hoạch phó trưởng các phòng, ban cấp huyện; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp xã.
II	Khối Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội	
1	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	- Đối tượng 1: Ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện; trưởng cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện; phó trưởng ban (tương đương) thuộc cơ quan Ủy ban MTTQVN, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh được quy hoạch trưởng ban. - Đối tượng 2: Huyện ủy viên; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, bí thư đảng ủy cấp xã được quy hoạch chức danh cao hơn.
2	Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	- Đối tượng 1: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, bí thư đảng ủy cấp xã; chuyên viên các ban chuyên môn thuộc cơ quan Ủy ban MTTQVN, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh (<i>kinh nghiệm trên 3 năm công tác</i>) được quy hoạch phó trưởng phòng. - Đối tượng 2: Phó trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; chuyên viên các ban, phòng, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện (<i>kinh nghiệm trên 5 năm công tác</i>) được quy hoạch chức danh cấp phó; trưởng MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được quy hoạch chức danh cao hơn.

TT	Chức danh ở xã, phường (mới)	Đối tượng hiện nay để xem xét, bố trí
III	Khối nhà nước - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân	
1	- Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân	- Đối tượng 1: Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện; cấp ủy cấp huyện; trưởng phòng thuộc sở, ban, ngành tỉnh; trưởng phòng, ban cấp huyện, bí thư đảng ủy cấp xã được quy hoạch cấp ủy cấp huyện. - Đối tượng 2: Phó trưởng phòng thuộc sở, ban, ngành tỉnh được quy hoạch trưởng phòng; trưởng phòng, ban cấp huyện, bí thư đảng ủy cấp xã; phó trưởng các phòng, ban cấp huyện quy hoạch cấp trưởng; phó bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được quy hoạch bí thư và tương đương.
2	Các ban hội đồng nhân dân - Ban Kinh tế - Xã hội - Ban Pháp chế	
2.1	Trưởng ban	- Đối tượng 1: Huyện ủy viên; trưởng các phòng, ban cấp huyện; bí thư đảng ủy cấp xã; phó trưởng phòng thuộc ban, sở, ngành tỉnh được quy hoạch trưởng phòng. - Đối tượng 2: Phó các phòng, ban cấp huyện được quy hoạch cấp trưởng; phó bí thư đảng ủy cấp xã, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được quy hoạch bí thư cấp xã hoặc tương đương.

TT	Chức danh ở xã, phường (mới)	Đối tượng hiện nay để xem xét, bố trí
2.2	Phó trưởng ban	- Đối tượng 1: Phó các phòng, ban cấp huyện; phó bí thư đảng ủy cấp xã, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên viên các phòng chuyên môn thuộc các sở, ban, ngành tỉnh (<i>kinh nghiệm trên 3 năm công tác</i>) được quy hoạch chức danh phó trưởng phòng và tương đương. - Đối tượng 2: Phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được quy hoạch chức danh cao hơn; chuyên viên các phòng, ban cấp huyện (<i>kinh nghiệm trên 5 năm công tác</i>) được quy hoạch chức danh phó trưởng phòng, ban và tương đương.
3	Đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân	
3.1	Phòng chuyên môn: - Văn phòng HĐND và UBND - Phòng Kinh tế - Phòng Văn hóa - Xã hội	
3.1.1	Trưởng phòng	- Đối tượng 1: Huyện ủy viên; trưởng phòng, ban cấp huyện; bí thư đảng ủy cấp xã; phó trưởng phòng thuộc sở, ban, ngành tỉnh được quy hoạch trưởng phòng. - Đối tượng 2: Phó trưởng các phòng, ban cấp huyện được quy hoạch cấp trưởng; phó bí thư đảng ủy cấp xã, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được quy hoạch bí thư cấp xã hoặc tương đương.
3.1.2	Phó trưởng phòng	- Đối tượng 1: Phó trưởng các phòng, ban cấp huyện; phó bí thư đảng ủy cấp xã, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên viên các phòng chuyên môn thuộc các sở, ban, ngành tỉnh (<i>kinh nghiệm trên 3 năm công tác</i>) được quy hoạch chức danh phó trưởng phòng và tương đương.

TT	Chức danh ở xã, phường (mới)	Đối tượng hiện nay để xem xét, bố trí
		- Đối tượng 2: Phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được quy hoạch chức danh cao hơn; chuyên viên các phòng, ban cấp huyện (<i>kinh nghiệm trên 5 năm công tác</i>) được quy hoạch chức danh phó trưởng phòng, ban và tương đương.
3.2	Trung tâm phục vụ hành chính công	
3.2.1	Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công	- Đối tượng 1: Huyện ủy viên; trưởng các phòng, ban cấp huyện; bí thư đảng ủy cấp xã. - Đối tượng 2: Phó trưởng các phòng, ban cấp huyện được quy hoạch cấp trưởng; phó bí thư đảng ủy cấp xã, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được quy hoạch bí thư cấp xã hoặc tương đương.
3.2.2	Phó giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công	- Đối tượng 1: Phó trưởng các phòng, ban cấp huyện; phó bí thư đảng ủy cấp xã, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã. - Đối tượng 2: Phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được quy hoạch chức danh cao hơn; chuyên viên các phòng, ban cấp huyện (<i>kinh nghiệm trên 5 năm công tác</i>) được quy hoạch chức danh phó trưởng phòng, ban và tương đương.